

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 399/QBVR- BDH

Điện Biên, ngày 02 tháng 11 năm 2022

V/v bổ sung danh sách chủ rừng đủ điều kiện  
chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021

Kính gửi:

- Kho Bạc Nhà nước huyện Mường Nhé;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Mường Nhé.

Căn cứ Quy chế phối hợp ngày 30/5/2019 giữa Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Điện Biên về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng qua hệ thống tài khoản ngân hàng;

Căn cứ Thông báo số 141/TB-QBVR ngày 04/5/2021 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về thanh toán tiền DVMTR năm 2021 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé; Căn cứ kết quả kiểm tra diện tích rừng theo Kế hoạch số 340/KH-QBVR ngày 29/9/2022 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo bổ sung danh sách chủ rừng đủ điều kiện chi trả tiền DVMTR năm 2021 cho chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng thôn, bản và UBND xã được giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Nhé như sau:

- Tổng số tiền được chi trả là: 295.264.125 đồng, trong đó:
- + Chủ rừng là hộ gia đình: 02 chủ rừng hộ gia đình, với tổng số tiền là 13.289.783 đồng;
- + Chủ rừng là cộng đồng: 08 cộng đồng, với tổng số tiền là 265.573.273 đồng;
- + UBND xã: 02 UBND xã, với tổng số tiền là 16.401.069 đồng.

(Có danh sách chi trả bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng thanh toán năm 2021, kèm theo)

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đề nghị, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mường Nhé chủ động xây dựng thông báo, kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho chủ rừng, trên địa bàn huyện Mường Nhé. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Mường Nhé (B/c);
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- UBND xã: Quảng lâm, Mường Toong, Nậm Kè, Sen Thượng;
- Lưu: VT, KH-KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Thu Hiền**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
 QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHI TRẢ BỔ SUNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG THANH TOÁN NĂM 2021,  
 Qua tài khoản cho các chủ rừng

(Kèm theo Công văn số 399 /QBVR-BĐH ngày 02 /11/ 2022 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho chủ rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng lần 1+ 2 (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	
<b>A</b>	<b>NGÂN HÀNG CSXH</b>	<b>258,99</b>	<b>258,992</b>	<b>1.069.170</b>	<b>276.906.475</b>	-	<b>276.906.475</b>	
	<b>XÃ NẬM KÈ</b>	<b>0,72</b>	<b>0,720</b>	<b>1.069.170</b>	<b>769.802</b>	-	<b>769.802</b>	
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là cộng đồng</b>	<b>0,72</b>	<b>0,720</b>	<b>1.069.170</b>	<b>769.802</b>	-	<b>769.802</b>	
1	Cộng đồng bản Chuyên Gia 3	0,72	0,720	1.069.170	769.802		769.802	
	<b>XÃ QUẢNG LÂM</b>	<b>255,74</b>	<b>255,740</b>	<b>1.069.170,00</b>	<b>273.429.535</b>	-	<b>273.429.535</b>	
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình</b>	<b>10,60</b>	<b>10,60</b>	<b>1.069.170,00</b>	<b>11.333.202</b>	-	<b>11.333.202</b>	
	<b>Bản Huổi Lấp</b>							
1	Vàng A Sú	10,60	10,600	1.069.170	11.333.202		11.333.202	
<b>II</b>	<b>Chủ rừng là cộng đồng</b>	<b>245,14</b>	<b>245,140</b>		<b>262.096.333</b>	-	<b>262.096.333</b>	
1	Cộng đồng bản Quảng Lâm	86,66	86,660	1.069.170	92.654.272		92.654.272	
3	Cộng đồng bản Huổi Sái Lương	28,41	28,410	1.069.170	30.375.119		30.375.119	
5	Cộng đồng bản Chà Nội 1	29,23	29,230	1.069.170	31.251.839		31.251.839	
8	Cộng đồng bản Dền Thàng	31,74	31,740	1.069.170	33.935.456		33.935.456	
9	Cộng đồng bản Chà Nội 2	69,10	69,100	1.069.170	73.879.647		73.879.647	
	<b>XÃ SEN THƯỢNG</b>	<b>2,53</b>	<b>2,532</b>		<b>2.707.138</b>	-	<b>2.707.138</b>	
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là cộng đồng</b>	<b>2,53</b>	<b>2,532</b>		<b>2.707.138</b>	-	<b>2.707.138</b>	
1	Cộng đồng bản Sen Thượng	1,32	1,318	1.069.170	1.409.166		1.409.166	
2	Cộng đồng bản Pa Ma	1,21	1,214	1.069.170	1.297.972		1.297.972	
<b>B</b>	<b>NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP &amp; PTNT</b>	<b>1,83</b>	<b>1,830</b>		<b>1.956.581</b>	-	<b>1.956.581</b>	
	<b>XÃ MƯỜNG TOONG</b>	<b>1,83</b>	<b>1,830</b>		<b>1.956.581</b>	-	<b>1.956.581</b>	
<b>I</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình</b>	<b>1,83</b>	<b>1,830</b>		<b>1.956.581</b>	-	<b>1.956.581</b>	
	<b>Bản NậmPan</b>							
1	Vừ Sía Sang	1,83	1,830	1.069.170	1.956.581		1.956.581	
<b>C</b>	<b>KHO BẠC</b>	<b>15,34</b>	<b>15,34</b>		<b>16.401.069,00</b>	-	<b>16.401.069,00</b>	
1	Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè	0,45	0,450	1.069.170	481.127		481.127	
2	Ủy ban nhân dân xã Quảng Lâm	14,89	14,890	1.069.170	15.919.942		15.919.942	
	<b>Tổng cộng ( A+B+C)</b>	<b>276,16</b>	<b>276,16</b>		<b>295.264.125</b>	-	<b>295.264.125</b>	